Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8473.50.10

Mã HS	8473.50.10
Mô tả hàng hóa	Bộ phận và phụ kiện (trừ vỏ, hộp đựng và các loại tương tự) chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các máy thuộc các nhóm từ 84.70 đến 84.72 / - Bộ phận và phụ kiện thích hợp dùng cho máy thuộc hai hoặc nhiều nhóm của các nhóm từ 84.70 đến 84.72: / - - Thích hợp dùng cho máy thuộc nhóm 84.71
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 13:59:39
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/84735010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14367
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14367
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14367
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13711
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13652
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13652
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13652
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13652
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13652
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13652
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13706
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13706
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13706
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13706

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13706
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13706
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13707
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13707
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13707
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13707
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13707
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13707
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13710
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13658
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13666
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13666
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13666
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13666
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13666
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13666
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13697
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13697
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13697
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13697
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13697
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13697
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13746
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13746
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13746
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13746

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13746
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13746
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13729
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13729
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13729
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13729
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13729
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13729
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13729
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13729
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13729
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13729
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13729
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13729
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13744
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13744
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13744
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13744
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13744
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13744
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13743
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13743
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13743
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13743
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13743
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13743

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13723
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13723
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13723
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13723
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13723
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13723
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13723
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13731
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13731
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13731
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13731
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13731
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13731
RCEP B	2022	2022	0	B!D13731
RCEP B	2023	2023	0	B!E13731
RCEP B	2024	2024	0	B!F13731
RCEP B	2025	2025	0	B!G13731
RCEP B	2026	2026	0	B!H13731
RCEP B	2027	2027	0	B!I13731
RCEP C	2022	2022	0	C!D13731
RCEP C	2023	2023	0	C!E13731
RCEP C	2024	2024	0	C!F13731
RCEP C	2025	2025	0	C!G13731
RCEP C	2026	2026	0	C!H13731
RCEP C	2027	2027	0	C!I13731
RCEP D	2022	2022	0	D!D13730

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13730
RCEP D	2024	2024	0	D!F13730
RCEP D	2025	2025	0	D!G13730
RCEP D	2026	2026	0	D!H13730
RCEP D	2027	2027	0	D!I13730
RCEP E	2022	2022	0	E!D13734
RCEP E	2023	2023	0	E!E13734
RCEP E	2024	2024	0	E!F13734
RCEP E	2025	2025	0	E!G13734
RCEP E	2026	2026	0	E!H13734
RCEP E	2027	2027	0	E!I13734
RCEP F	2022	2022	0	F!D13731
RCEP F	2023	2023	0	F!E13731
RCEP F	2024	2024	0	F!F13731
RCEP F	2025	2025	0	F!G13731
RCEP F	2026	2026	0	F!H13731
RCEP F	2027	2027	0	F!I13731
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12746
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12746
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12746
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12746

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8473.50 có 2 dòng thuế; dòng 8473.50.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Thích hợp dùng cho máy thuộc nhóm 84.71.	8473.50.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8473.50.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8473.50.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14367), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.